

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN BETON 6

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Hội đồng quản trị	2 - 4
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	5 - 6
4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024	7 - 10
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024	11
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024	12 - 13
7. Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024	14 - 37
8. Phụ lục	38 - 41

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Bê tông 6 (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Bê tông 6 hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3700364079, đăng ký lần đầu ngày 05 tháng 01 năm 2001 và đăng ký thay đổi lần thứ 19 ngày 05 tháng 7 năm 2023 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp.

Trụ sở hoạt động

- Địa chỉ : Km 1877 quốc lộ 1 K, phường Bình An, TP. Dĩ An, tỉnh Bình Dương
- Điện thoại : +84 (0274) 357 1617 – 375 0650
- Fax : +84 (0274) 375 1628

Hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Sản xuất và lắp ghép cấu kiện bê tông đúc sẵn (dầm, cọc..);
- Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại (không gia công cơ khí tại trụ sở chính trừ xử lý, tráng phủ, xi mạ kim loại);
- Gia công và sửa chữa các dụng cụ, máy móc, thiết bị cơ khí dùng cho ngành xây dựng (trừ xử lý, tráng phủ, xi mạ kim loại);
- Sửa chữa thiết bị điện (trừ xử lý, tráng phủ, xi mạ kim loại);
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;
- Xây dựng nhà các loại;
- Đầu tư, thi công cầu cống, đường giao thông và các hạng mục có liên quan đến công trình đường bộ, đường sắt;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Đào đắp, san lấp mặt bằng công trình;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí;
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác;
- Thi công ép cọc, khoan cọc nhồi, xử lý nền móng công trình;
- Dịch vụ vận chuyển sản phẩm bê tông thường, bê tông tươi và bê tông siêu trường, siêu trọng (chỉ hoạt động khi đáp ứng các quy định pháp luật về vận tải);
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Thiết kế công trình xây dựng giao thông (cầu, đường bộ), thiết kế kết cấu công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp, thiết kế máy móc và thiết bị (trừ phương tiện vận tải);
- Kiểm tra thành phần và độ tinh khiết của khoáng chất, kiểm tra thành phần vật lý và hiệu suất của vật liệu, kiểm tra chất lượng và độ tin cậy.

CÔNG TY CỔ PHẦN BÉTON 6

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm
Ông Trịnh Thanh Huy	Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 03 tháng 01 năm 2022
Ông Trương Lê Minh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 30 tháng 12 năm 2021
Ông Nguyễn Xuân Vinh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 30 tháng 12 năm 2021
Ông Trần Hữu Huy	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 9 năm 2023
Ông Đinh Xuân Huy	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 9 năm 2023

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Bà Trần Mai Thủy	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 9 năm 2023
Bà Phan Thị Hồng Vân	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 9 năm 2023
Bà Phan Thị Ánh Minh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 9 năm 2023

Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc của Công ty là Ông Nguyễn Xuân Vinh (bổ nhiệm ngày 05 tháng 7 năm 2023).

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Nguyễn Xuân Vinh - Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 05 tháng 7 năm 2023).

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Công ty.

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

0036407

CÔNG TY
CỔ PHẦN
BÉTON

7, BÌNH C

449815

CÔNG TY
KIỂM TOÁN VÀ TƯ
VẤN A & C

TP. HỒ

CÔNG TY CỔ PHẦN BETON 6

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Thay mặt Hội đồng quản trị,

Trịnh Thanh Huy
Chủ tịch

Ngày 12 tháng 5 năm 2025



Số: 1.1062/25/TC-AC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN BÊT ON 6**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Bê T on 6 (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 12 tháng 5 năm 2025, từ trang 07 đến trang 41, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Chúng tôi chưa thu thập được đầy đủ các bằng chứng kiểm toán thích hợp liên quan đến số dư của một số khoản công nợ có giá trị theo sổ sách như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Phải trả người bán ngắn hạn	49.327.422.535 VND	41.160.958.306 VND
- Người mua trả tiền trước ngắn hạn	56.564.809.727 VND	44.533.680.753 VND

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Beton 6 tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Không phủ nhận ý kiến nêu trên, chúng tôi muốn lưu ý người đọc đến thuyết minh số VII.3 trong Bản thuyết minh Báo cáo tài chính về khoản lỗ thuần 76.938.290.388 VND trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 và khoản lỗ lũy kế đến ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 1.395.780.261.007 VND, vượt vốn góp của chủ sở hữu là 993.881.375.870 VND. Ngoài ra, tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 nợ ngắn hạn lớn hơn tài sản ngắn hạn 1.123.578.585.228 VND. Những điều kiện này, cùng những vấn đề khác được nêu trong thuyết minh số VII.3, cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C



Hồ Văn Tùng

Thành viên Ban Giám đốc

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0092-2023-008-1

Người được ủy quyền



Phan Cao Huyền

Kiểm toán viên

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 3523-2021-008-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 5 năm 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN BÉTON 6

Địa chỉ: Km 1877 Quốc lộ 1 K, phường Bình An, TP. Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		41.840.535.406	42.551.281.553
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	9.113.121.011	7.068.812.319
1. Tiền	111		4.569.913.466	2.175.416.096
2. Các khoản tương đương tiền	112		4.543.207.545	4.893.396.223
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		20.825.591.955	27.234.760.233
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	320.001.309.254	320.451.995.889
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	72.435.982.785	72.700.883.707
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.4	75.166.947.757	75.166.947.757
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	52.991.387.771	53.268.927.304
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(499.770.035.612)	(494.353.994.424)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.7	11.888.379.410	8.238.243.007
1. Hàng tồn kho	141		59.856.194.001	56.206.057.598
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(47.967.814.591)	(47.967.814.591)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		13.443.030	9.465.994
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.16	13.443.030	9.465.994
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊT ON 6

Địa chỉ: Km 1877 Quốc lộ 1 K, phường Bình An, TP. Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		129.697.209.358	136.059.295.522
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		129.738.288	129.738.288
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	129.738.288	129.738.288
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		84.566.286.465	90.718.012.629
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	84.566.286.465	90.718.012.629
- Nguyên giá	222		202.236.870.120	202.236.870.120
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(117.670.583.655)	(111.518.857.491)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.9	-	-
- Nguyên giá	225		1.376.685.762	1.376.685.762
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(1.376.685.762)	(1.376.685.762)
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		8.993.791.207	8.993.791.207
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.10	8.993.791.207	8.993.791.207
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		34.061.563.398	34.061.563.398
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.11	1.050.000.000	1.050.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.11	34.880.800.000	34.880.800.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.11	(1.869.236.602)	(1.869.236.602)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		1.945.830.000	2.156.190.000
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.12	1.945.830.000	2.156.190.000
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.13	-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		171.537.744.764	178.610.577.075

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊTÔN 6

Địa chỉ: Km 1877 Quốc lộ 1 K, phường Bình An, TP. Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		1.165.419.120.634	1.095.553.662.557
I. Nợ ngắn hạn	310		1.165.419.120.634	1.095.553.662.557
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.14	139.666.243.216	131.332.144.989
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.15	63.151.883.258	58.887.590.083
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.16	410.351.884	8.723.609.196
4. Phải trả người lao động	314	V.17	1.481.845.882	2.324.736.506
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.18	14.179.820.061	14.246.366.545
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.19	605.420.297.063	538.860.443.332
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.20	339.277.371.124	339.277.371.124
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.21	1.831.308.146	1.901.400.782
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		-	-
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊT ON 6

Địa chỉ: Km 1877 Quốc lộ 1 K, phường Bình An, TP. Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		(993.881.375.870)	(916.943.085.482)
I. Vốn chủ sở hữu	410		(993.881.375.870)	(916.943.085.482)
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.22	329.935.500.000	329.935.500.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		329.935.500.000	329.935.500.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415	V.22	(559.957.325)	(559.957.325)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.22	72.523.342.462	72.523.342.462
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.22	(1.395.780.261.007)	(1.318.841.970.619)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(1.318.841.970.619)	(1.318.841.970.619)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		(76.938.290.388)	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		171.537.744.764	178.610.577.075

Nguyễn Thị Ngọc Trâm
Kế toán trưởng/Người lập



Bình Dương, ngày 12 tháng 5 năm 2025

Nguyễn Xuân Vinh
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊT ON 6

Địa chỉ: Km 1877 Quốc lộ 1 K, phường Bình An, TP. Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	76.312.557.383	34.824.445.786
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		76.312.557.383	34.824.445.786
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	63.810.306.339	34.285.250.029
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		12.502.251.044	539.195.757
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	189.389.024	151.782.489
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	66.330.476.665	61.772.350.621
Trong đó: chi phí lãi vay	23		66.330.476.665	61.943.302.902
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	15.229.329.358	7.624.256.076
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(68.868.165.955)	(68.705.628.451)
11. Thu nhập khác	31		112.699	628.561
12. Chi phí khác	32	VI.6	7.584.492.812	349.039.768
13. Lợi nhuận khác	40		(7.584.380.113)	(348.411.207)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(76.452.546.068)	(69.054.039.658)
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.16	485.744.320	-
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>(76.938.290.388)</u>	<u>(69.054.039.658)</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.7	<u>(2.338)</u>	<u>(2.099)</u>
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.7	<u>(2.338)</u>	<u>(2.099)</u>

Nguyễn Thị Ngọc Trâm
Kế toán trưởng/Người lập

Bình Dương, ngày 12 tháng 5 năm 2025


Nguyễn Xuân Vinh
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊTÔN 6

Địa chỉ: Km 1877 Quốc lộ 1 K, phường Bình An, TP. Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(76.452.546.068)	(69.054.039.658)
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.8; V.9	6.081.633.528	6.468.801.475
- Các khoản dự phòng	03	V.6; V.7; V.11	5.416.041.188	(170.952.281)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3	(171.145.370)	(147.543.819)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	66.330.476.665	61.943.302.902
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		1.204.459.943	(960.431.381)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		989.150.054	5.177.915.988
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(3.650.136.403)	(182.225.849)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		3.605.074.048	(3.482.180.815)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		210.360.000	214.671.835
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	V.18; V.19	-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	VI.4	-	(452.525.927)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	V.16	(485.744.320)	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		1.873.163.322	315.223.851
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		-	(3.419.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	8.000.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	V.5a, VI.3	171.145.370	47.543.819
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		171.145.370	8.044.124.819

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊTÔN 6

Địa chỉ: Km 1877 Quốc lộ 1 K, phường Bình An, TP. Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.20	10.555.064.862	770.000.000
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.20	(10.555.064.862)	(3.956.346.570)
Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	(198.634.857)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		-	(3.384.981.427)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		2.044.308.692	4.974.367.243
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	7.068.812.319	2.094.445.076
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	9.113.121.011	7.068.812.319


Nguyễn Thị Ngọc Trâm
Kế toán trưởng/Người lập



Bình Dương, ngày 12 tháng 5 năm 2025


Nguyễn Xuân Vinh
Tổng Giám đốc

179 - C.T.C.P.
RY
ÂN
N 6
INH DƯƠNG

CLIN
HẠ
VÂN
HÍ MINH

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊTÔN 6

Địa chỉ: Km 1877 Quốc lộ 1 K, phường Bình An, TP. Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Beton 6 (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty kinh doanh trong lĩnh vực sản xuất cấu kiện bê tông đúc sẵn và xây dựng.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Sản xuất và lắp ghép cấu kiện bê tông đúc sẵn (dầm, cọc,...); sản xuất các loại vật liệu xây dựng; xây dựng các công trình giao thông, cầu cống, đường bộ, bến cảng; nạo vét, bồi đắp mặt bằng, đào đắp, thi công nền móng công trình, thi công bằng phương pháp khoan nổ mìn; xây dựng các công trình công nghiệp; dịch vụ vận chuyển sản phẩm bê tông tươi siêu trường, siêu trọng.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Năm nay, Công ty vẫn còn đang đối mặt với những khó khăn như: thiếu hụt nguồn vốn, các dự án bị trì hoãn hoặc bị hủy bỏ, không thu hồi được công nợ phải thu, áp lực đòi nợ từ các chủ nợ lớn nhỏ.

Hiện tại, Công ty đang trong quá trình thực hiện phương án khôi phục sản xuất, do đó năm nay doanh thu tăng hơn nhiều so với năm trước. Tuy nhiên, lợi nhuận năm nay giảm so với năm trước chủ yếu là do các khoản thuế bị phạt và truy thu.

6. Cấu trúc Công ty

Công ty liên kết

Công ty chỉ đầu tư vào công ty liên kết là Công ty Cổ phần Beton 6 – Pro có trụ sở chính tại Km 1877 Quốc lộ 1K, phường Bình An, TP. Dĩ An, tỉnh Bình Dương. Hoạt động kinh doanh chính của công ty con này là Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao. Tại ngày kết thúc năm tài chính, tỷ lệ vốn góp của Công ty tại công ty liên kết này là 35%, tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ lợi ích tương đương với tỷ lệ vốn góp.

7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

8. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty có 138 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 146 nhân viên).

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊTÔN 6

Địa chỉ: Km 1877 Quốc lộ 1 K, phường Bình An, TP. Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

3. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊTÔNG 6

Địa chỉ: Km 1877 Quốc lộ 1 K, phường Bình An, TP. Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá trị khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty liên kết được trích lập khi công ty liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty liên kết. Nếu công ty liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

4. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊTÔN 6

Địa chỉ: Km 1877 Quốc lộ 1 K, phường Bình An, TP. Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá gốc của hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

6. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là chi phí chuyển giao công nghệ bê tông cốt thép. Chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ 240 tháng.

7. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊTÔNG 6

Địa chỉ: Km 1877 Quốc lộ 1 K, phường Bình An, TP. Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc và thiết bị	05 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 07

9. Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Công ty sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định thuê tài chính như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Máy móc và thiết bị	05

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

11. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊTÔN 6

Địa chỉ: Km 1877 Quốc lộ 1 K, phường Bình An, TP. Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

12. **Vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục “Thặng dư vốn cổ phần”.

13. **Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hoá, sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu gia công

Doanh thu đối với hoạt động nhận gia công vật tư, hàng hóa là số tiền gia công thực tế được hưởng, không bao gồm giá trị vật tư, hàng hóa nhận gia công.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

14. **Hợp đồng xây dựng**

Hợp đồng xây dựng là một hợp đồng được thỏa thuận để xây dựng một tài sản hoặc tổ hợp các tài sản có liên quan chặt chẽ hay phụ thuộc lẫn nhau về mặt thiết kế, công nghệ, chức năng hoặc mục đích sử dụng cơ bản của chúng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy:

- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch: doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện: doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊTÔNG 6

Địa chỉ: Km 1877 Quốc lộ 1 K, phường Bình An, TP. Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

15. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

16. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

17. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊTÔNG 6

Địa chỉ: Km 1877 Quốc lộ 1 K, phường Bình An, TP. Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

18. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

19. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊT ON 6

Địa chỉ: Km 1877 Quốc lộ 1 K, phường Bình An, TP. Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	20.105.281	-
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	4.549.808.185	2.175.416.096
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng)	4.543.207.545	4.893.396.223
Cộng	9.113.121.011	7.068.812.319

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<i>37.224.195.713</i>	<i>37.224.195.713</i>
Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp	35.758.345.962	35.758.345.962
Công ty Cổ phần Balance Holding	795.808.195	795.808.195
Chi nhánh Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp tại Tây Ninh	670.041.556	670.041.556
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>282.777.113.541</i>	<i>283.227.800.176</i>
Công ty TNHH MTV 3D - Long Hậu	64.882.114.670	64.882.114.670
Ông Trần Nguyên Vũ	33.012.400.000	33.012.400.000
Các khách hàng khác	184.882.598.871	185.333.285.506
Cộng	320.001.309.254	320.451.995.889

Các khoản phải thu khách hàng với số tiền là 55.291.064.652 VND đang được thế chấp tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để đảm bảo cho các khoản vay (xem thuyết minh số V.20).

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Trả trước cho các bên liên quan</i>	<i>1.343.058.697</i>	<i>1.343.058.697</i>
Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp	1.342.947.319	1.342.947.319
Công ty Cổ phần Xây dựng Đầu tư HB	111.378	111.378
<i>Trả trước cho người bán khác</i>	<i>71.092.924.088</i>	<i>71.357.825.010</i>
Công ty TNHH Đầu tư Hạ tầng và Xi măng HB	55.000.000.000	55.000.000.000
Các nhà cung cấp khác	16.092.924.088	16.357.825.010
Cộng	72.435.982.785	72.700.883.707

4. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Cho bên liên quan vay</i>	<i>16.200.000.000</i>	<i>16.200.000.000</i>
Cho Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp vay ⁽ⁱ⁾	16.100.000.000	16.100.000.000
Cho Công ty Cổ phần Balance Holding vay	100.000.000	100.000.000
<i>Cho các tổ chức khác vay</i>	<i>58.966.947.757</i>	<i>58.966.947.757</i>
Cho Công ty TNHH MTV 3D - Long Hậu vay ⁽ⁱⁱ⁾	58.866.947.757	58.866.947.757
Cho Công ty Cổ phần Xây dựng 620 - Bến Tre mượn	100.000.000	100.000.000
Cộng	75.166.947.757	75.166.947.757

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊT ON 6

Địa chỉ: Km 1877 Quốc lộ 1 K, phường Bình An, TP. Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- (i) Cho vay bổ sung vốn lưu động và phục vụ sản xuất kinh doanh với lãi suất 7,8%/năm, thời hạn vay từ 01 đến 03 tháng. Công ty đã trích lập dự phòng 100% cho các khoản phải thu về cho vay này.
- (ii) Khoản cho Công ty TNHH MTV 3D - Long Hậu vay đã được lập dự phòng 100%.

5. Phải thu khác

5a. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các bên liên quan	6.728.945.263	(6.728.945.263)	6.728.945.263	(6.728.945.263)
Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp -				
Lãi vay phải thu	6.728.945.263	(6.728.945.263)	6.728.945.263	(6.728.945.263)
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	46.262.442.508	(41.312.550.926)	46.539.982.041	(41.312.550.926)
Công ty TNHH MTV 3D - Long Hậu -				
Lãi dự thu tiền cho vay	29.689.153.515	(29.689.153.515)	29.689.153.515	(29.689.153.515)
Công ty Cổ phần Xây dựng 620 - Bến Tre				
- Vay hộ và cổ tức phải thu	2.196.504.179	(2.196.504.179)	2.196.504.179	(2.196.504.179)
Phải thu chuyển nhượng cổ phần	1.805.200.000	-	1.905.200.000	-
Tạm ứng	9.579.104.941	(9.426.893.232)	9.756.611.389	(9.426.893.232)
Phải thu lãi cho vay	106.490.336	-	106.490.336	-
Các khoản ký quỹ ngắn hạn	1.230.696.294	-	1.230.696.294	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	1.655.293.243	-	1.655.326.328	-
Cộng	52.991.387.771	(48.041.496.189)	53.268.927.304	(48.041.496.189)

5b. Phải thu dài hạn khác

Khoản ký quỹ hợp đồng thuê tài chính, đặt cọc thuê container và các khoản đặt cọc khác.

6. Nợ xấu

	Thời gian quá hạn	Số cuối năm		Thời gian quá hạn	Số đầu năm	
		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Các bên liên quan		61.496.088.295	100.000.000		61.496.088.295	100.000.000
Công ty Cổ phần						
Xây dựng Công						
ng nghiệp		59.930.238.544	-		59.930.238.544	-
Phải thu tiền bán	Quá hạn trên			Quá hạn trên		
hàng	03 năm	35.758.345.962	-	03 năm	35.758.345.962	-
	Quá hạn trên			Quá hạn trên		
Cho vay	03 năm	16.100.000.000	-	03 năm	16.100.000.000	-
	Quá hạn trên			Quá hạn trên		
Phải thu lãi cho vay	03 năm	6.728.945.263	-	03 năm	6.728.945.263	-
Trả trước cho người	Quá hạn trên			Quá hạn trên		
bán	03 năm	1.342.947.319	-	03 năm	1.342.947.319	-
Công ty Cổ phần						
Balance Holding		895.808.195	100.000.000		895.808.195	100.000.000
Phải thu tiền bán	Quá hạn trên			Quá hạn trên		
hàng	03 năm	795.808.195	-	03 năm	795.808.195	-
	Quá hạn trên			Quá hạn trên		
Cho vay	03 năm	100.000.000	100.000.000	03 năm	100.000.000	100.000.000
Chi nhánh Công ty						
Cổ phần Xây dựng						
Công nghiệp tại Tây						
Ninh - Phải thu tiền	Quá hạn trên			Quá hạn trên		
bán hàng	03 năm	670.041.556	-	03 năm	670.041.556	-

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊT ON 6

Địa chỉ: Km 1877 Quốc lộ 1 K, phường Bình An, TP. Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

		Số cuối năm		Số đầu năm		
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Các tổ chức và cá nhân khác		459.354.166.381	20.298.770.595		460.647.893.544	27.689.987.415
Công ty TNHH MTV 3D - Long Hậu		153.438.215.942	-		153.438.215.942	-
Cho vay	Quá hạn trên 03 năm	58.866.947.757	-	Quá hạn trên 03 năm	58.866.947.757	-
Phải thu tiền bán hàng	Quá hạn trên 03 năm	64.882.114.670	-	Quá hạn trên 03 năm	64.882.114.670	-
Phải thu lãi cho vay	Quá hạn trên 03 năm	29.689.153.515	-	Quá hạn trên 03 năm	29.689.153.515	-
Công ty TNHH Đầu tư Hạ tầng và Xi măng HB		56.805.200.000	1.805.200.000		56.805.200.000	1.805.200.000
Trả trước cho nhà cung cấp	Quá hạn trên 03 năm	55.000.000.000	-	Quá hạn trên 03 năm	55.000.000.000	-
Phải thu khác tiền chi hộ Ông Trần Nguyễn Vũ – Phải thu chuyển nhượng cổ phần	Quá hạn trên 03 năm	1.805.200.000	1.805.200.000	Quá hạn trên 03 năm	1.805.200.000	1.805.200.000
	Quá hạn trên 03 năm	33.012.400.000	-	Quá hạn trên 03 năm	33.012.400.000	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	Quá hạn từ 06 tháng đến trên 03 năm	216.098.350.439	19.175.019.064	Quá hạn từ 06 tháng đến trên 03 năm	217.392.077.602	25.884.787.415
Cộng		520.850.254.676	21.080.219.064		522.143.981.839	27.789.987.415

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	494.353.994.424	494.353.994.424
Trích lập dự phòng trong năm	5.416.041.188	-
Số cuối năm	499.770.035.612	494.353.994.424

7. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	4.852.658.095	(1.202.243.325)	1.312.444.703	(1.202.243.325)
Công cụ, dụng cụ	64.084.539	(9.381.571)	18.799.830	(9.381.571)
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	31.185.997.514	(31.185.997.514)	31.185.997.514	(31.185.997.514)
Thành phẩm	23.158.623.405	(14.975.361.733)	23.093.985.103	(14.975.361.733)
Hàng hóa	594.830.448	(594.830.448)	594.830.448	(594.830.448)
Cộng	59.856.194.001	(47.967.814.591)	56.206.057.598	(47.967.814.591)

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊT ON 6

Địa chỉ: Km 1877 Quốc lộ 1 K, phường Bình An, TP. Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

8. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	133.621.181.960	46.176.593.401	20.328.581.253	2.110.513.506	202.236.870.120
Số cuối năm	133.621.181.960	46.176.593.401	20.328.581.253	2.110.513.506	202.236.870.120
Trong đó:					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	12.754.309.988	43.503.174.402	12.844.163.692	2.110.513.506	71.212.161.588
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	44.385.687.408	45.713.607.675	19.309.048.902	2.110.513.506	111.518.857.491
Khấu hao trong năm	4.802.101.105	348.401.228	931.131.195	-	6.081.633.528
Khấu hao tài sản hình thành từ quỹ phúc lợi	70.092.636	-	-	-	70.092.636
Số cuối năm	49.257.881.149	46.062.008.903	20.240.180.097	2.110.513.506	117.670.583.655
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	89.235.494.552	462.985.726	1.019.532.351	-	90.718.012.629
Số cuối năm	84.363.300.811	114.584.498	88.401.156	-	84.566.286.465
Trong đó:					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

Một số tài sản cố định hữu hình là máy móc thiết bị đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng (giá trị còn lại đầu năm là 379.993.702 VND) đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (xem thuyết minh số V.20).

9. Tài sản cố định thuê tài chính

Tài sản cố định thuê tài chính là máy móc, thiết bị. Chi tiết như sau:

	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại
Số đầu năm	1.376.685.762	1.376.685.762	-
Số cuối năm	1.376.685.762	1.376.685.762	-

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số cuối năm	Số đầu năm
Hạng mục mở rộng sân bãi	8.586.545.434	8.586.545.434
Hạng mục dự án nhà Châu Thới	407.245.773	407.245.773
Cộng	8.993.791.207	8.993.791.207

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊTÔN 6

Địa chỉ: Km 1877 Quốc lộ 1 K, phường Bình An, TP. Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

11. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty chỉ có đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Đầu tư vào công ty liên kết						
Công ty Cổ phần Beton 6 - Pro ⁽ⁱ⁾	1.050.000.000	-	-	1.050.000.000	-	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác						
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu & Xây dựng Công trình (Tranimexco)	2.050.000.000	(1.435.000.000)	615.000.000	2.050.000.000	(1.435.000.000)	615.000.000
Công ty Cổ phần Balance Holding ⁽ⁱⁱ⁾	32.830.800.000	(434.236.602)	-	32.830.800.000	(434.236.602)	-
Cộng	35.930.800.000	(1.869.236.602)		35.930.800.000	(1.869.236.602)	

(i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3702772228, đăng ký lần đầu ngày 20 tháng 5 năm 2019 và đăng ký thay đổi lần thứ 02 ngày 03 tháng 11 năm 2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Beton 6 – Pro 1.050.000.000 VND, tương đương 35% vốn điều lệ.

(ii) Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty nắm giữ 1.250.000 cổ phiếu, tương đương 13,94% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Balance Holding.

Giá trị hợp lý

Đối với các khoản đầu tư có giá niêm yết, giá trị hợp lý được xác định theo giá niêm yết tại ngày kết thúc năm tài chính. Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không có giá niêm yết do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Tình hình hoạt động của các công ty liên kết

Công ty liên kết đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	1.869.236.602	120.500.236.883
Hoàn nhập dự phòng trong năm	-	(170.952.281)
Giảm do chuyển nhượng công ty con	-	(118.460.048.000)
Số cuối năm	1.869.236.602	1.869.236.602

Giao dịch với các công ty liên kết

Trong năm, Công ty không phát sinh giao dịch với các công ty liên kết (năm trước, Công ty chỉ phát sinh giao dịch cung cấp dịch vụ cho Công ty Cổ phần Beton 6 – Pro là công ty liên kết với số tiền là 22.562.983.000 VND).

12. Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí chuyển giao công nghệ bê tông cốt thép còn phải phân bổ.

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊT ON 6

Địa chỉ: Km 1877 Quốc lộ 1 K, phường Bình An, TP. Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

13. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận

Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho những khoản sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí lãi vay ⁽ⁱ⁾	204.129.883.540	258.373.727.169
Lỗ tính thuế ⁽ⁱⁱ⁾	313.200.784.429	272.124.493.340
Cộng	517.330.667.969	530.498.220.509

(i) Chi tiết chi phí lãi vay còn được trừ như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Năm 2019	-	54.243.843.629
Năm 2020	52.889.126.051	52.889.126.051
Năm 2021	32.037.225.694	32.037.225.694
Năm 2022	57.312.011.382	57.312.011.382
Năm 2023	61.891.520.413	61.891.520.413
Cộng	204.129.883.540	258.373.727.169

Theo quy định tại Nghị định số 132/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 11 năm 2020 và Nghị định số 20/2025/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 132/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ quy định về quản lý thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết, phần chi phí lãi vay không được trừ được chuyển sang kỳ tính thuế tiếp theo khi xác định tổng chi phí lãi vay được trừ trong trường hợp tổng chi phí lãi vay phát sinh được trừ của kỳ tính thuế tiếp theo thấp hơn mức quy định. Thời gian chuyển chi phí lãi vay tính liên tục không quá 05 năm kể từ năm tiếp sau năm phát sinh chi phí lãi vay không được trừ. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận do ít có khả năng có thu nhập chịu thuế trong tương lai để sử dụng những khoản chi phí lãi vay được chuyển này.

(ii) Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho các khoản lỗ tính thuế chưa sử dụng. Chi tiết lỗ tính thuế chưa sử dụng như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Năm 2019	-	27.280.815.347
Năm 2020	201.187.843.194	201.187.843.194
Năm 2021	10.249.489.407	10.249.489.407
Năm 2022	26.592.865.915	26.592.865.915
Năm 2023	6.813.479.477	6.813.479.477
Năm 2024	68.357.106.436	-
Cộng	313.200.784.429	272.124.493.340

Theo Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, khoản lỗ của bất kỳ năm tính thuế nào được chuyển sang bù trừ vào thu nhập trong thời gian tối đa không quá 5 năm kể từ năm tiếp sau năm phát sinh lỗ. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận cho những khoản này vì ít có khả năng có thu nhập chịu thuế trong tương lai để sử dụng những lợi ích đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊT ON 6

Địa chỉ: Km 1877 Quốc lộ 1 K, phường Bình An, TP. Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

14. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải trả bên liên quan</i>	<i>2.511.570.860</i>	<i>2.511.570.860</i>
Công ty Cổ phần Beton 6 E&C	2.511.570.860	2.511.570.860
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>137.154.672.356</i>	<i>128.820.574.129</i>
Công ty Cổ phần Xây dựng & Kỹ thuật H&B	2.097.222.475	2.097.222.475
Bà Nguyễn Thị Lan Anh	51.283.601.848	18.949.915.349
Công ty Cổ phần Công nghệ Việt Ân	-	11.866.934.786
Các nhà cung cấp khác	83.773.848.033	95.906.501.519
Cộng	139.666.243.216	131.332.144.989

Công ty có khoản phải trả người bán ngắn hạn với số tiền 37.526.354.069 VND đã quá hạn thanh toán và đang có tranh chấp.

Khoản phải trả người bán với số tiền là 62.601.256.457 VND được trình bày tại Danh sách chủ nợ của Hội nghị chủ nợ (xem thuyết minh Phụ lục 02).

15. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Trả trước của các bên liên quan</i>	<i>14.846.649.764</i>	<i>14.747.289.764</i>
Công ty Cổ phần Beton6 - Pro	4.420.377.974	4.321.017.974
Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp	9.669.837.270	9.669.837.270
Công ty Cổ phần Beton 6 E&C	756.434.520	756.434.520
<i>Trả trước của các khách hàng khác</i>	<i>48.305.233.494</i>	<i>44.140.300.319</i>
Tổng công ty Đầu tư Phát triển và Quản lý Dự án Hạ tầng Giao thông Cửu Long	7.530.880.117	7.530.880.117
Trả trước của các khách hàng khác	40.774.353.377	36.609.420.202
Cộng	63.151.883.258	58.887.590.083

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm			Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Số thuế được hoàn	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa ⁽ⁱ⁾	6.140.979.937	-	1.808.695.585	(7.539.323.638)	-	410.351.884	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	1.326.300	-	-	-	-	1.326.300
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	8.139.694	485.744.320	(485.744.320)	-	-	8.139.694
Thuế thu nhập cá nhân	2.582.629.259	-	112.238.834	(2.489.856.822)	(208.988.307)	-	3.977.036
Tiền thuê đất	-	-	3.128.670.064	(3.128.670.064)	-	-	-
Các loại thuế khác	-	-	3.000.000	(3.000.000)	-	-	-
Cộng	8.723.609.196	9.465.994	5.538.348.803	(13.646.594.844)	(208.988.307)	410.351.884	13.443.030

- (i) Theo Quyết định số 5099/QĐ-CTBDU ngày 15 tháng 12 năm 2022 của Cục thuế tỉnh Bình Dương, Công ty đã bị cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế bằng biện pháp ngừng sử dụng hóa đơn để thi hành thông báo tiền thuế nợ, tiền phạt và tiền phạt chậm nộp số 25153/TB-CTBDU-KDT ngày 25 tháng 11 năm 2022 của Cục thuế tỉnh Bình Dương. Quyết định này có hiệu lực thi hành trong thời hạn 01 năm, kể từ ngày 22 tháng 12 năm 2022 đến 23 tháng 12 năm 2023.

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊTÔN 6

Địa chỉ: Km 1877 Quốc lộ 1 K, phường Bình An, TP. Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Sau đó, Cục thuế tỉnh Bình Dương đã có Quyết định số 1347/QĐ-CTBDU ngày 24 tháng 4 năm 2024 về việc chấm dứt việc cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế bằng biện pháp ngừng sử dụng hóa đơn.

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- | | |
|--|-----------------|
| - Thi công công trình cho các dự án ODA | Không chịu thuế |
| - Gia công và sản xuất sản phẩm bê tông, công trình xây dựng và dịch vụ cho thuê xưởng | 08% - 10% |

Công ty được áp dụng thuế suất thuế giá trị gia tăng 08% từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến ngày 31 tháng 12 năm 2024 theo Nghị định số 94/2023/NĐ-CP ngày 28 tháng 12 năm 2023 và Nghị định số 72/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2024 của Chính phủ hướng dẫn Nghị quyết số 110/2023/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2023 và Nghị quyết 142/2024/QH15 ngày 29 tháng 6 năm 2024 của Quốc hội.

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(76.452.546.068)	(69.054.039.658)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Chi phí lãi vay không được trừ	-	61.891.520.413
- Các khoản điều chỉnh tăng khác	8.095.439.632	349.039.768
Thu nhập tính thuế	(68.357.106.436)	(6.813.479.477)
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước	485.744.320	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	485.744.320	-

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Tiền thuê đất

Công ty phải nộp tiền thuê đất đối với diện tích 221.577,20 m² đất đang sử dụng tại Km 1877 Quốc lộ 1K, phường Bình An, TP. Dĩ An, tỉnh Bình Dương với mức 14.120 VND/m².

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

17. Phải trả người lao động

Tiền lương tháng 12 còn phải trả cho người lao động.

CÔNG TY CỔ PHẦN BÉTON 6

Địa chỉ: Km 1877 Quốc lộ 1 K, phường Bình An, TP. Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

18. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<i>646.315.411</i>	<i>646.315.411</i>
Công ty Cổ phần Beton 6 E&C - Lãi vay phải trả	464.244.178	464.244.178
Công ty Cổ phần Xây dựng Đầu tư HB - Lãi vay phải trả	182.071.233	182.071.233
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>13.533.504.650</i>	<i>13.600.051.134</i>
Chi phí lãi vay	774.787.223	774.787.223
Chi phí công trình	12.622.005.427	12.622.005.427
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	136.712.000	203.258.484
Cộng	<u>14.179.820.061</u>	<u>14.246.366.545</u>

19. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<i>1.281.037.682</i>	<i>1.281.037.682</i>
Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp - Chi phí lãi vay	697.289.016	697.289.016
Ông Trịnh Thanh Huy - Tiền mượn	290.000.000	290.000.000
Công ty Cổ phần Balance Holding - Chi phí lãi vay	164.315.333	164.315.333
Công ty Cổ phần Beton 6 E&C - Đặt cọc tiền thuê nhà xưởng	90.000.000	90.000.000
Công ty Cổ phần Xây dựng Đầu tư HB - Chi phí lãi vay	39.433.333	39.433.333
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác (*)</i>	<i>604.139.259.381</i>	<i>537.579.405.650</i>
Kinh phí công đoàn	854.297.519	792.825.519
Bảo hiểm xã hội	54.890.120	54.890.120
Cổ tức phải trả	272.532.512	272.532.512
Công ty TNHH Đầu tư HB - Phải trả cần trừ từ hợp đồng hợp tác kinh doanh với Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp	194.983.986.667	194.983.986.667
Bà Nguyễn Thị Lan Anh	333.187.093.739	273.881.597.035
- Lãi vay phải trả (*)	327.238.531.082	268.930.987.648
- Tiền mượn	5.948.562.657	4.950.609.387
Lãi vay phải trả ngân hàng	59.076.601.781	51.053.668.550
Công ty Cổ phần Đầu tư Bê tông Công nghệ cao - Tạm nhập cọc ống	4.807.961.757	4.807.961.757
Khoản lãi phạt do nợ quá hạn phải trả các nhà cung cấp	5.650.304.841	5.650.304.841
Tiền mượn cá nhân	135.000.000	135.000.000
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	5.116.590.445	5.946.638.649
Cộng	<u>605.420.297.063</u>	<u>538.860.443.332</u>

(*) Lãi vay phải trả ngân hàng với số tiền 99.931.666.446 được chuyển giao cho Bà Nguyễn Thị Lan Anh để tiếp tục thu hồi nợ theo hợp đồng mua bán nợ số 33/2021/DATC-NTLA ngày 15 tháng 12 năm 2021 kể từ ngày 04 tháng 01 năm 2022.

Lãi vay phải trả Ngân hàng TMCP Quốc dân với số tiền 26.199.942.594 VND được chuyển giao cho Bà Nguyễn Thị Lan Anh để tiếp tục thu hồi nợ theo hợp đồng mua bán tài sản đấu giá là khoản nợ số 344/2023/HĐMBN ngày 11 tháng 4 năm 2023 kể từ ngày 11 tháng 4 năm 2023.

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊT ON 6

Địa chỉ: Km 1877 Quốc lộ 1 K, phường Bình An, TP. Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Lãi vay phải trả Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam với số tiền 56.500.231.512 VND được chuyển giao cho Bà Nguyễn Thị Lan Anh để tiếp tục thu hồi nợ theo hợp đồng mua bán nợ số 01/2023/MBN/Beton6 ngày 01 tháng 11 năm 2023 kể từ ngày 03 tháng 11 năm 2023.

Lãi vay phải trả từ các khoản nợ ngân hàng và nợ phải trả người bán chuyển nhượng cho Bà Nguyễn Thị Lan Anh theo biên bản xác nhận, lãi suất 12%/ năm với số tiền là 86.299.147.097 VND.

- (**) Khoản phải trả ngắn hạn khác với số tiền là 202.342.408.533 VND được trình bày tại Danh sách chủ nợ của Hội nghị chủ nợ (xem thuyết minh Phụ lục 02 đính kèm).

Phải trả khác quá hạn chưa thanh toán

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Đầu tư HB - Phải trả cần trừ từ hợp đồng hợp tác kinh doanh với Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp	194.983.986.667	194.983.986.667
Lãi vay phải trả ngân hàng	59.076.601.781	51.053.668.550
Cộng	254.060.588.448	246.037.655.217

20. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay ngắn hạn phải trả các bên liên quan	1.587.000.000	1.587.000.000
Ông Phạm Văn Hiến	87.000.000	87.000.000
Công ty Cổ phần Bê t on 6 E&C ⁽ⁱ⁾	1.500.000.000	1.500.000.000
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác	337.690.371.124	337.690.371.124
Vay ngắn hạn ngân hàng	63.771.084.251	63.771.084.251
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh ⁽ⁱⁱ⁾	63.771.084.251	63.771.084.251
Vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác	273.838.582.082	273.838.582.082
Ông Trần Thiên Châu	800.000.000	800.000.000
Bà Nguyễn Thị Lan Anh ⁽ⁱⁱⁱ⁾	273.038.582.082	273.038.582.082
Nợ thuê tài chính đến hạn trả	80.704.791	80.704.791
Cộng	339.277.371.124	339.277.371.124

- (i) Vay tín chấp Công ty Cổ phần Bê t on 6 E&C để bổ sung vốn lưu động với lãi suất 7,8%/năm.

- (ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng các khoản phải thu khách hàng (xem thuyết minh số V.2) và một số tài sản cố định (xem thuyết minh số V.8).

- (iii) Khoản vay Bà Nguyễn Thị Lan Anh không có tài sản đảm bảo với lãi suất 12%/tháng.

Theo hợp đồng mua bán nợ số 33/2021/DATC-NTLA ngày 15 tháng 12 năm 2021 toàn bộ khoản nợ gốc và lãi của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh 1 TP. Hồ Chí Minh được chuyển giao cho Bà Nguyễn Thị Lan Anh quản lý để thu hồi nợ kể từ ngày 04 tháng 01 năm 2022.

Theo hợp đồng mua bán tài sản đấu giá là khoản nợ số 344/2023/HĐMBN ngày 11 tháng 4 năm 2023, toàn bộ khoản nợ gốc và lãi của Ngân hàng TMCP Quốc Dân được chuyển giao cho Bà Nguyễn Thị Lan Anh quản lý để thu hồi nợ kể từ ngày 11 tháng 4 năm 2023.

Theo hợp đồng mua bán nợ số 01/2023/MBN/Beton6 ngày 01 tháng 11 năm 2023, toàn bộ khoản nợ gốc và lãi của Ngân hàng TMCP Xuất Nhập khẩu Việt Nam được chuyển giao cho Bà Nguyễn Thị Lan Anh quản lý để thu hồi nợ kể từ ngày 03 tháng 11 năm 2023.

CÔNG TY CỔ PHẦN BÉTON 6

Địa chỉ: Km 1877 Quốc lộ 1 K, phường Bình An, TP. Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công ty không có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn do Công ty đang gặp khó khăn về tài chính nên chưa có luồng tiền để thanh toán.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số tiền vay phát sinh trong năm</u>	<u>Số tiền vay đã trả trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Vay ngắn hạn bên liên quan	1.587.000.000	-	-	1.587.000.000
Vay ngắn hạn ngân hàng	63.771.084.251	-	-	63.771.084.251
Vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác	273.838.582.082	10.555.064.862	(10.555.064.862)	273.838.582.082
Nợ thuê tài chính đến hạn trả	80.704.791	-	-	80.704.791
Cộng	339.277.371.124	10.555.064.862	(10.555.064.862)	339.277.371.124

Khoản nợ gốc vay Ngân hàng ngắn hạn với số tiền 63.771.084.251 VND đã quá hạn thanh toán do Công ty đang gặp khó khăn về tài chính nên chưa có luồng tiền để thanh toán.

Vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay ngắn hạn phải trả các bên liên quan	1.587.000.000	1.587.000.000
Ông Phạm Văn Hiên	87.000.000	87.000.000
Công ty Cổ phần Beton 6 E&C	1.500.000.000	1.500.000.000
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác	64.571.084.251	64.571.084.251
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	63.771.084.251	63.771.084.251
Ông Trần Thiên Châu	800.000.000	800.000.000
Cộng	66.158.084.251	66.158.084.251

21. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Giảm khác</u>	<u>Số cuối năm</u>
Quỹ khen thưởng	886.350.519	-	886.350.519
Quỹ phúc lợi	19.981.325	-	19.981.325
Quỹ phúc lợi đã hình thành tài sản cố định	120.433.225	(70.092.636)	50.340.589
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	874.635.713	-	874.635.713
Cộng	1.901.400.782	(70.092.636)	1.831.308.146

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG 6

Địa chỉ: Km 1877 Quốc lộ 1 K, phường Bình An, TP. Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

22. Vốn chủ sở hữu

22a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	329.935.500.000	(559.957.325)	72.523.342.462	(1.052.805.698.619)	(650.906.813.482)
Điều chỉnh hồi tố tài sản góp vốn	-	-	-	(196.982.232.342)	(196.982.232.342)
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	(69.054.039.658)	(69.054.039.658)
Số dư cuối năm trước	<u>329.935.500.000</u>	<u>(559.957.325)</u>	<u>72.523.342.462</u>	<u>(1.318.841.970.619)</u>	<u>(916.943.085.482)</u>
Số dư đầu năm nay	329.935.500.000	(559.957.325)	72.523.342.462	(1.318.841.970.619)	(916.943.085.482)
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	(76.938.290.388)	(76.938.290.388)
Số dư cuối năm nay	<u>329.935.500.000</u>	<u>(559.957.325)</u>	<u>72.523.342.462</u>	<u>(1.395.780.261.007)</u>	<u>(993.881.375.870)</u>

22b. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	32.993.550	32.993.550
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	32.993.550	32.993.550
- Cổ phiếu phổ thông	32.993.550	32.993.550
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	88.040	88.040
- Cổ phiếu phổ thông	88.040	88.040
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	32.905.510	32.905.510
- Cổ phiếu phổ thông	32.905.510	32.905.510
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

23. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

23a. Ngoại tệ các loại

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty không còn tồn quỹ ngoại tệ (số đầu năm là 249,13 USD).

23b. Nợ khó đòi đã xử lý

Công ty có các khoản nợ phải thu tại ngày kết thúc năm tài chính là 10.985.834.894 VND (số đầu năm là 10.985.834.894 VND) đã được xóa sổ do không có khả năng thu hồi.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu sản phẩm bê tông	73.648.174.142	31.514.592.736
Doanh thu khác	2.664.383.241	3.309.853.050
Cộng	<u>76.312.557.383</u>	<u>34.824.445.786</u>

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Ngoài giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho công ty liên kết được trình bày ở thuyết minh số V.11, Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG 6

Địa chỉ: Km 1877 Quốc lộ 1 K, phường Bình An, TP. Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của sản phẩm bê tông	63.032.072.599	34.136.542.126
Giá vốn khác	778.233.740	148.707.903
Cộng	63.810.306.339	34.285.250.029

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	171.145.370	47.543.819
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	18.243.654	4.238.670
Lãi chuyển nhượng công ty con	-	100.000.000
Cộng	189.389.024	151.782.489

4. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	66.330.476.665	61.943.302.902
Hoàn nhập dự phòng giảm giá cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	-	(170.952.281)
Cộng	66.330.476.665	61.772.350.621

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	5.110.952.736	3.984.674.846
Chi phí vật liệu quản lý	125.046.849	120.116.209
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	5.416.041.188	-
Trợ cấp thôi việc	539.145.320	226.496.875
Tiền thuê đất	3.096.749.824	2.358.075.524
Các chi phí khác	941.393.441	937.892.622
Cộng	15.229.329.358	7.624.256.076

6. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Phạt nộp chậm Bảo hiểm xã hội	3.779.034	1.191.611
Thuế bị phạt, bị truy thu	7.580.077.641	-
Các khoản chi phí khác	636.137	347.848.157
Cộng	7.584.492.812	349.039.768

7. Lãi trên cổ phiếu

7a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(76.938.290.388)	(69.054.039.658)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	(76.938.290.388)	(69.054.039.658)
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	32.905.510	32.905.510
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	(2.338)	(2.099)

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊTÔN 6

Địa chỉ: Km 1877 Quốc lộ 1 K, phường Bình An, TP. Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

7b. Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính này.

8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	38.387.515.669	11.695.825.152
Chi phí nhân công	19.165.961.941	16.504.234.192
Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.081.633.528	6.468.801.475
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.296.207.168	1.525.832.964
Chi phí khác	14.308.441.694	6.152.152.295
Cộng	79.239.760.000	42.032.756.862

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày tại các thuyết minh số V.19 và số V.20.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Trong năm, Công ty không phát sinh thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt (số năm trước là 772.984.782 VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊTÔN 6

Địa chỉ: Km 1877 Quốc lộ 1 K, phường Bình An, TP. Dĩ An, tỉnh Bình Dương
BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

1b. *Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác*

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Xây dựng và Kỹ thuật H&B	Công ty liên kết đến ngày 29 tháng 12 năm 2023
Công ty Cổ phần Beton 6 – Pro	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Xây dựng Đầu tư HB	Công ty có cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp	Công ty có cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần Balance Holding	Công ty có cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần Beton 6 E&C	Công ty có cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty TNHH MTV 3D Long Hậu	Công ty con của Công ty Cổ phần 3D đến ngày 28 tháng 12 năm 2023
Chi nhánh Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp	Công ty có cùng thành viên quản lý chủ chốt

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch phát sinh với các công ty liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số V.11, Công ty không phát sinh giao dịch khác với các bên liên quan khác.

Giá dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan khác là giá thỏa thuận.

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.2, V.3, V.4, V.5a, V.14, V.15, V.18, V.19 và V.20.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền.

2. **Thông tin về bộ phận**

Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm.

2a. *Thông tin về lĩnh vực kinh doanh*

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực xây dựng: xây dựng công trình.
- Lĩnh vực sản xuất: sản xuất bê tông các loại như: cọc ống, cọc vuông, dầm, ván ép.
- Lĩnh vực khác: bán vật tư, dịch vụ lao phóng và vận chuyển.

Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty được trình bày ở Phụ lục đính kèm.

2b. *Thông tin về khu vực địa lý*

Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN BETON 6

Địa chỉ: Km 1877 Quốc lộ 1 K, phường Bình An, TP. Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3. Thông tin về hoạt động liên tục

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 Công ty tiếp tục bị lỗ 76.938.290.388 VND và khoản lỗ lũy kế đến ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 1.395.780.261.007 VND, vượt vốn chủ sở hữu 993.881.375.870 VND. Ngoài ra, tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 nợ ngắn hạn lớn hơn tài sản ngắn hạn 1.123.578.585.228 VND.

Tuy nhiên, Bà Nguyễn Thị Lan Anh cam kết sẽ tiếp tục hỗ trợ tài chính cho Công ty bằng cách tiếp tục bổ sung nguồn vốn kinh doanh cho Công ty hoặc mua lại các khoản nợ đến hạn thanh toán, đồng thời cũng không yêu cầu thanh toán các khoản nợ cho đến khi Công ty có khả năng thanh toán. Do vậy, Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 vẫn được lập dựa trên giả thiết Công ty hoạt động kinh doanh liên tục.

Ngày 09 tháng 12 năm 2019 Công ty đã có đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản gửi Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương do Công ty đã bị mất khả năng thanh toán và không có khả năng để thanh toán những khoản nợ đến hạn cho các chủ nợ là các tổ chức tín dụng và các nhà cung cấp, đối tác. Ngày 16 tháng 01 năm 2020, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương đã có Quyết định số 01/2020/QĐ-MTTPS về việc mở thủ tục phá sản đối với Công ty.

Ngày 08 tháng 11 năm 2022, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương mở hội nghị chủ nợ. Hội nghị chủ nợ có quyết định phương án phục hồi Công ty, đề nghị Công ty phải có phương án phục hồi chi tiết gửi cho các chủ nợ trước khi tổ chức hội nghị chủ nợ lại để quyết định.

Ngày 05 tháng 7 năm 2023, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương mở Hội nghị chủ nợ với kết quả biểu quyết 77,14% số chủ nợ không có bảo đảm có mặt đồng ý thông qua phương án phục hồi kinh doanh.

Ngày 23 tháng 8 năm 2023, Tòa án Nhân dân tỉnh Bình Dương đã công nhận Nghị quyết Hội nghị chủ nợ ngày 05 tháng 7 năm 2023 về việc thông qua phương án phục hồi kinh doanh theo Quyết định Công nhận nghị quyết Hội nghị chủ nợ số 01/2023/QĐST-PS.

4. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.


Nguyễn Thị Ngọc Trâm
Kế toán trưởng/Người lập



Bình Dương, ngày 12 tháng 5 năm 2025

Nguyễn Xuân Vinh
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN BETON 6

Địa chỉ: Km 1877 Quốc lộ 1 K, phường Bình An, TP. Dĩ An, tỉnh Bình Dương
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Phụ lục 01 : Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Đơn vị tính: VND

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

Năm nay	Các khoản			Cộng
	Lĩnh vực xây dựng	Lĩnh vực sản xuất	Lĩnh vực khác	
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	-	73.740.174.142	2.572.383.241	76.312.557.383
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	-	73.740.174.142	2.572.383.241	76.312.557.383
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	-	10.708.101.543	1.794.149.501	12.502.251.044
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	(15.229.329.358)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	-	-	-	(2.727.078.314)
Doanh thu hoạt động tài chính	-	-	-	189.389.024
Chi phí tài chính	-	-	-	(66.330.476.665)
Thu nhập khác	-	-	-	112.699
Chi phí khác	-	-	-	(7.584.492.812)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-	-	(485.744.320)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-	-	-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	(76.938.290.388)
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	-	-	-	-
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	-	6.679.161.488	70.092.641	6.749.254.129
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)	-	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN BETON 6

Địa chỉ: Km 1877 Quốc lộ 1 K, phường Bình An, TP. Dĩ An, tỉnh Bình Dương
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Phụ lục : Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

Đơn vị tính: VND				
Số cuối năm	Lĩnh vực xây dựng	Lĩnh vực sản xuất	Lĩnh vực khác	Các khoản loại trừ
Tài sản trực tiếp của bộ phận	(4.340.030.437)	(35.636.487.348)	11.115.659.840	-
Tài sản phân bổ cho bộ phận	-	84.518.302.506	47.983.959	-
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				
Tổng tài sản				(28.860.857.945)
				84.566.286.465
				115.832.316.244
				171.537.744.764
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	47.690.314.196	58.889.760.956	14.809.455.125	-
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				1.044.029.590.357
Tổng nợ phải trả				1.165.419.120.634
Số đầu năm				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	(4.017.706.129)	(30.074.724.461)	11.336.646.667	-
Tài sản phân bổ cho bộ phận	-	90.599.936.029	118.076.600	-
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				
Tổng tài sản				(22.755.783.923)
				90.718.012.629
				110.648.348.369
				178.610.577.075
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	47.690.314.196	49.329.543.720	14.194.203.020	-
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				984.339.601.621
Tổng nợ phải trả				1.095.553.662.557

Bình Dương, ngày 12 tháng 5 năm 2025



Nguyễn Xuân Vinh
Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Ngọc Trâm
Kế toán trưởng/Người lập

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊTÔN 6

Địa chỉ: Km 1877 Quốc lộ 1 K, phường Bình An, TP. Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Phụ lục 02: Danh sách công nợ theo hội nghị chủ nợ tại ngày 31 tháng 03 năm 2023

Đơn vị tính: VND

	Số tiền
Phải trả người bán	62.601.256.457
Tổng Công ty Vật liệu Xây dựng Số 1 - CTCP	11.932.519.621
Công ty Cổ phần Công nghệ Việt Ân	11.866.934.786
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại SMC	11.603.913.165
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG KIM YÊN II	7.526.979.948
Công ty TNHH Than Khoáng sản Bình Minh	3.548.029.827
Công ty TNHH MTV VLXD TM Hà Văn	2.486.760.089
Cty TNHH TM-XD-SX Phương Nga	2.246.554.179
Công ty Cổ phần Xây dựng và Kỹ thuật H&B	2.097.222.475
Công ty Cổ phần Nghĩa Thành Viễn Đông	2.000.698.441
Công ty Cổ phần Xây dựng Vạn Thành Đạt	1.452.257.000
Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư HB	1.307.862.092
Công ty TNHH BASF Việt Nam	1.006.520.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Gia Phúc	891.706.620
GEOSTR Corporation	540.749.210
Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Sư tử Biển	432.027.455
Nhánh Cấp nước số 2	366.689.000
Công ty Cổ phần Máy Xây dựng Đại Nam	314.495.980
Công ty Cổ phần Xây dựng Minh Khoa	169.155.000
Công ty Cổ phần Vinafreight	143.704.586
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Đường Cao tốc Việt Nam	133.672.147
Công ty TNHH Cơ khí Phong Doanh	107.206.000
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Xây dựng Phạm Hoàn	67.000.000
Công ty TNHH MTV Xây dựng và Thương mại Châu An	66.000.000
Công ty Cổ phần Công nghệ Máy Trí Việt	61.710.000
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Xuất nhập khẩu Phú Nguyên	58.160.686
Xí nghiệp Hơi Kỹ nghệ Biên Hòa	56.648.800
Công ty TNHH Xây dựng và Giao thông Hưng Vạn	41.690.000
Công ty TNHH Xây dựng Tiến Đạt	37.826.750
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Thang Long	36.562.600
	-
Phải trả ngắn hạn khác	202.342.408.533
Công ty TNHH Đầu tư HB	194.983.986.667
Tổng Công ty Vật liệu Xây dựng Số 1 - TNHH Một Thành Viên	3.293.772.081
Quý Đồi mới Công nghệ Quốc Gia - Bộ Khoa học và Công nghệ	2.300.000.000
Công ty TNHH Than Khoáng sản Bình Minh	766.696.515
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại SMC	997.953.270
	-
	264.943.664.990

Nguyễn Thị Ngọc Trâm
Kế toán trưởng/Người lập

Bình Dương, ngày 12 tháng 5 năm 2025

Nguyễn Xuân Vinh
Tổng Giám đốc